

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHI XUÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10 -8-2020

V/v tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI XUÂN, TỈNH HÀ TĨNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Huy Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Hiền

- Bà Trần Thị Thanh Tâm

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Bích - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Huy Linh - Kiểm sát viên

Vào hồi 14 giờ 30 phút, ngày 10 tháng 8 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXX-ST ngày 25 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D – Sinh năm 1995 “Vắng mặt”

Trú tại: Xóm Lầu A, xã Châu B, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An

Bị đơn: Anh Lê Mã L – Sinh năm 1988 “Vắng mặt”

Trú tại: Thôn Yên Ngọc, xã Xuân Yên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai của người xin ly hôn, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Lê Mã L đăng ký kết hôn với nhau ngày 22/7/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Yên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống chung với nhau được khoảng 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng hay cãi cọ nhau nên từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Từ khi ly thân, chị D về sống với bố mẹ đẻ ở xóm Lầu A, xã Châu B, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An. Sau khi ly thân, vợ chồng không còn thăm hỏi, quan tâm đến đời sống riêng của nhau. Nay chị D thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh Lê Mã L.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Lê Hưng Th – Sinh ngày 14/01/2017. Từ khi ly thân, cháu sống với bố và ông bà nội. Nay ly hôn chị có nguyện vọng để con cho anh L nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và các khoản nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh đã giao Thông báo thụ lý và Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1, lần 2 cho bị đơn hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Ngày 25/6/2020 Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, phiên tòa lần 1 (ngày 25/6/2010) vắng mặt bị đơn nên được ấn định lần 2 vào ngày (10/8/2020). Ngày 07/8/2020 nguyên đơn, bị đơn có bản tự khai cùng ngày gửi tòa án và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên do các đương sự vắng mặt nên HĐXX công khai các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Xuân phát biểu quan điểm:

Đề Nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 48, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử cho các đương sự được ly hôn, giao cháu Lê Hưng Th – Sinh ngày 14/01/2017 cho anh Lê Mã L nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), chị Nguyễn Thị D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

Tại phiên tòa hôm nay các đương sự có đơn xin giải quyết vắng mặt, xét việc vắng mặt các đương sự phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS nên không phải hoãn phiên tòa.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong vụ án thì quan điểm giải quyết vụ án của các đương sự đều giống nhau có thể ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận, tuy nhiên do quá trình giải quyết bị đơn vắng mặt và có đơn không tiến hành công khai chứng cứ, hòa giải, tại phiên tòa các đương sự vắng mặt nên nội dung vụ án cần được Hội đồng đưa ra xét xử công khai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thì hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn hoàn toàn hợp pháp. Theo nguyên đơn sau khi kết hôn vợ chồng đã sống chung được 02 năm nhưng do mâu thuẫn vợ chồng, tính tình không hòa hợp nên đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2019 đến nay nên nguyện vọng xin được ly hôn.

Đối với bị đơn, tuy đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án nhưng bị đơn không thực hiện quyền tham gia tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, cho thấy bị đơn không quan tâm đến quan hệ hôn nhân với nguyên đơn, mặt khác tại Bản tự khai của bị đơn cũng thể hiện tình cảm vợ chồng không còn hiện đã ly thân 01 năm nay.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy, các đương sự sống ly thân đã lâu, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Dung được ly hôn với anh Lương.

[3] Về con chung: Theo các đương sự, con chung của vợ chồng cháu Lê Hưng Th ở với bố và ông bà nội, chị D có nguyện vọng giao con cho anh L nuôi dưỡng.

Bản tự khai của bị đơn thể hiện nguyện vọng của bị đơn muốn nuôi con, hiện con chung đang do bị đơn nuôi, vì vậy giao cháu Lê Hưng Th cho anh L nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết miễn xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 48, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, Nghị quyết Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Lê Mã L.

[2] Về con chung: Giao cháu Lê Hưng Th – Sinh ngày 14/01/2017 cho anh Lê Mã L nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), chị Nguyễn Thị D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000129 ngày 07/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, nay đã nộp đủ.

[4] Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt đương sự, báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Nghi Xuân;
- THADS huyện Nghi Xuân;
- Đương sự;
- UBND xã Xuân Yên;
- Lưu HSVA;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký, đóng dấu)

Phạm Huy Bình